TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2024/HS-ST
Ngày: 09 - 4 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Hồng.
Thẩm phán: Ông Lưu Anh Tuấn.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Hoàng
Ông Lê Đức Tuyên
Ông Nguyễn Quốc Khánh

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Vân – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Doãn Thị Chúc - Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 04/2024/TLST-HS ngày 12 tháng 01 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 92/2024/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 3 năm 2024 đối với bị cáo:

Đoàn Thị Thúy H, sinh ngày 06 tháng 12 năm 1997 tại tỉnh Gia Lai; nơi ĐKHKTT: Tổ dân phố A, thị trấn P, huyện P, tỉnh Gia Lai; Chỗ ở hiện nay: Tổ dân phố H, thị trấn P, huyện P, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đoàn Văn T và bà Ninh Thị L; bị cáo có chồng tên Phạm Văn Q (đã ly hôn năm 2020); bị cáo có 1 con, sinh năm 2017, hiện đang sống cùng bố; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 19 tháng 4 năm 2023. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại trại tạm giam công an tỉnh G. Có mặt tại phiên tòa.

* Người bào chữa cho bị cáo Đoàn Thị Thúy H: Bà Trương Thị P – Luật sư của Văn phòng Luật sư Trương Thị P thuộc Đoàn Luật sư tỉnh G. Có mặt.

* Bị hại:

- Bà Phạm Thị Thùy D, sinh năm 1993; địa chỉ: F N, phường C, thị xã A, tỉnh Gia Lai.

Và ông Nguyễn Trọng T1, sinh năm 1995; Nơi ĐKHKTT: Tổ A, phường Q, thành phố K, tỉnh Kon Tum; chỗ ở hiện nay: A Bắc Kạn, phường T, thành phố K, tỉnh Kon Tum.

Bà D ủy quyền cho ông T1 tham gia tố tụng, ông T1 có mặt.

- Bà Mã Thị Thu N, sinh năm 1987 và ông Trần Thái H1, sinh năm 1980.

Cùng địa chỉ: I T, tổ C, phường Đ, thị xã A, tỉnh Gia Lai.

Bà N có mặt, ông H1 vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bà Nguyễn Thị Bích P1, sinh năm 1984 và ông Dương Đức D1, sinh năm 1983.

Cùng địa chỉ: Tổ C, phường Đ, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- Ông Nguyễn Thế V, sinh năm 1985.

Địa chỉ: B T, phường Đ, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- Ông Nguyễn Văn H2, sinh năm 1993 và bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1994.

Cùng địa chỉ: Thôn I, xã I, huyện P, tỉnh Gia Lai.

Bà L1 ủy quyền cho ông H2 tham gia tố tụng, ông H2 có mặt.

- Bà Mai Thị Vân A, sinh năm 1997 và ông Hoàng Văn T2, sinh năm 1998.

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố F, thị trấn P, huyện P, tỉnh Gia Lai.

Bà A ủy quyền cho ông T2 tham gia tố tụng, ông T2 có mặt.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn Gia P2, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Tổ C, phường Đ, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Có mặt

- Ông Hà Vĩnh Đ, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Tổ A, phường H, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Ông Nguyễn Huy T3, sinh năm 1983.

Địa chỉ: H N, phường Đ, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ đầu năm 2021 đến cuối 2022, Đoàn Thị Thúy H đã tiếp cận làm quen với bà Mã Thị Thu N, bà Phạm Thị Thùy D, bà Nguyễn Thị Bích P1, ông Nguyễn Thế V, ông Nguyễn Văn H2 và bà Mai Thị Vân A, sau đó lần lượt đưa ra nhiều thông tin gian dối để đặt vấn đề vay mượn tiền, làm cho các bị hại tin tưởng giao cho H tổng số tiền là 6.882.430.000 đồng và bị H chiếm đoạt, cụ thể như sau:

1. Đối với hành vi chiếm đoạt tài sản của vợ chồng bà Mã Thị Thu N với số tiền 2.451.030.000 đồng:

Vào đầu năm 2021, thông qua ông Nguyễn Gia P2 (cán bộ Công an giao thông thị xã A, là người sống chung như vợ chồng với Đoàn Thị Thúy H), H quen biết với bà Mã Thị Thu N. Sau một thời gian tạo mối quan hệ thân thiết, H bắt đầu đặt vấn đề vay tiền của bà N với số tiền 100.000.000 đồng để đầu tư làm ăn, hứa hẹn trả lợi nhuận cao từ 7,5% đến 10% từ việc đầu tư của H. Thời gian đầu để tạo

lòng tin, H trả cho bà N tiền hoa hồng và tiền gốc đúng như hứa hẹn, sau đó H bắt đầu vay mượn tiền của bà N nhiều lần với số tiền lớn hơn, đối với số tiền trên 500.000.000 đồng thì H trả hoa hồng cố định hàng tháng, dưới 500.000.000 đồng thì từ 20 đến 25 ngày, H trả tiền hoa hồng và tiền gốc một lần, sau đó H mượn lại.

Với cách thức như trên, từ tháng 02/2021 đến 30/3/2022, bà N đã nhiều lần chuyển khoản và đưa tiền mặt cho H mượn tổng số tiền 7.979.530.000 đồng và được H chuyển khoản và đưa tiền mặt lại số tiền 5.528.500.000 đồng, còn nợ lại 2.451.030.000 đồng. Sau đó, khi bà N yêu cầu H trả số tiền nợ còn lại thì H đưa ra lý do phía ngân hàng không đủ số tiền mà H cần rút để cố tình trì hoãn việc trả tiền. Sau nhiều lần đòi tiền không được thì ngày 04/5/2022, bà N yêu cầu H viết giấy vay tiền thể hiện H đang nợ bà N số tiền 2.500.000.000 đồng, hẹn đến ngày 11/5/2022 sẽ trả, nhưng đến hẹn H không trả tiền cho bà N. Vì nghi ngờ H muốn chiếm đoạt số tiền 2.451.030.000 đồng nên bà N đã làm đơn tố giác H đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh G về hành vi chiếm đoạt tài sản của bà.

2. Đối với hành vi chiếm đoạt tài sản của vợ chồng bà Phạm Thị Thùy D với số tiền 780.000.000 đồng:

Trong khoảng thời gian tháng 6/2021, Đoàn Thị Thúy H thường xuyên đến cơ sở kinh doanh của bà D để chăm sóc da và làm đẹp, từ đó H quen biết bà D. Sau một thời gian quen biết, đến ngày 06/8/2021, H đưa ra thông tin gian dối để rủ bà D đầu tư thu lãi suất với lợi nhuận 15% đến 20% trên 01 tháng bằng 03 hình thức: một là hình thức đáo hạn ngân hàng, hai là đưa tiền cho các cán bộ công an làm ăn đầu tư kinh doanh bên ngoài để kiếm tiền lời, ba là đầu tư theo sự thông đồng giữa cán bộ công an với cán bộ quy hoạch địa chính và được bà D tin tưởng đồng ý tham gia.

Ngày 10/8/2021, bà D bắt đầu chuyển tiền đầu tư theo mô hình H đưa ra với số tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng. Trong những tháng đầu tiên, H chuyển tiền lời theo đúng cam kết để củng cố niềm tin. Vì tin tưởng nên trong khoảng thời gian từ ngày 10/8/2021 đến ngày 23/5/2022, vợ chồng bà D đã chuyển khoản và đưa tiền mặt cho H tổng số tiền là 4.014.000.000 đồng và H chuyển khoản và đưa tiền mặt số tiền 3.234.000.000 đồng, số tiền còn lại là 780.000.000 đồng. Quá trình bà D đưa tiền cho H, H viết nhiều giấy mượn tiền và giấy cam kết trả tiền đúng hẹn. Đến ngày 23/05/2022, khi biết mô hình mà H đưa ra là lừa đảo, bà D liên hệ yêu cầu H trả lại tiền gốc đã đầu tư nhưng H đưa ra lý do phải chi trả tiền lời cho những cán bộ công an, các lãnh đạo đã tham gia mô hình trước rồi mới đến lượt bà D nên chưa có tiền trả cho bà D.

Đến ngày 21/6/2022, H tiếp tục viết giấy cam kết hẹn đến ngày 28/6/2022 sẽ trả số tiền 780.000.000 đồng đang nợ bà D. Tuy nhiên, khi đến hẹn H không trả, xác định bị H lừa đảo chiếm đoạt số tiền 780.000.000 đồng nên bà Phạm Thị Thùy D làm đơn tố giác Đoàn Thị Thúy H có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

3. Đối với hành vi chiếm đoạt tài sản của vợ chồng bà Nguyễn Thị Bích P1 với số tiền 2.570.000.000 đồng:

Từ khoảng năm 2021, Đoàn Thị Thúy H thường xuyên đến cửa hàng V1 nơi bà Nguyễn Thị Bích P1 làm việc để giao dịch chuyển tiền với số lượng lớn, từ đây H quen biết với bà P1.

Ngày 10/4/2022, H nhiều lần đặt vấn đề vay tiền của bà P1, số tiền vay mượn mỗi lần từ 100.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng và trả tiền vay đúng hẹn, ngày hôm trước vay thì hôm sau trả đầy đủ gốc và lãi theo thỏa thuận. Sau khi tạo được lòng tin, H vay bà P1 số tiền lớn hơn với lý do vay giúp Đội Cảnh sát giao thông Công an thị xã A, H chụp ảnh nội dung tin nhắn giữa H với tài khoản facebook tên "Đoàn H3" và gửi hình ảnh Cán bộ đội Cảnh sát giao thông thị xã A cần tiền nhờ H vay hộ để tạo lòng tin với bà P1. Vì biết H chung sống như vợ chồng với ông Nguyễn Gia P2, đồng thời ông P2 cũng là bạn bè với ông Dương Đức D1 (chồng bà P1) nên bà P1 tin tưởng và đồng ý cho H vay tiền.

Từ 12/4/2022 đến 28/4/2022, H đã vay của bà P1 04 lần tổng số tiền 870.000.000 đồng bằng hình thức sau 04 hoặc 06 ngày mới trả lại qua hình thức chuyển khoản. Sau đó, từ ngày 29/4/2022 đến 03/5/2022, H tiếp tục vay của và P1 số tiền 4.950.000.000 đồng cũng thông qua hình thức chuyển khoản, cụ thể:

- Ngày 29/4/2022, bà P1 chuyển cho H vay số tiền 1.120.000.000 đồng, đến ngày 30/4/2022 H chuyển lại số tiền 870.000.000 đồng, nợ lại 250.000.000 đồng.

- Ngày 30/4/2022, bà P1 chuyển cho Hằng số tiền 1.580.000.000 đồng, đến ngày 01/5/2022, H chuyển trả lại 1.280.000.000 đồng, nợ lại 300.000.000 đồng.

- Ngày 02/5/2022, bà P1 chuyển cho Hằng số tiền 1.300.000.000 đồng, ngày 03/5/2022, H chuyển trả 1.100.000.000 đồng, nợ lại 200.000.000 đồng. Cùng ngày bà P1 cho H vay lại số tiền 950.000.000 đồng.

Như vậy, từ ngày 12/4/2022 đến ngày 03/5/2022, bà P1 chuyển khoản cho H vay tổng cộng số tiền 5.820.000.000 đồng và được H chuyển khoản trả lại tổng số tiền 3.250.000.000 đồng, số tiền còn lại H không trả cho bà P1 là 2.570.000.000 đồng.

Đến ngày 08/6/2022, sau nhiều yêu cầu H trả tiền nhưng không được, bà P1 yêu cầu H viết cho bà P1 một giấy cam kết thể hiện nội dung đang nợ số tiền 2.570.000.000 đồng, cam kết từ ngày 13/6/2022 đến ngày 19/6/2022 sẽ trả. Đến ngày 21/6/2022, H tiếp tục viết giấy xác nhận sẽ trả số tiền trên vào ngày 26/6/2022, đồng thời cam kết nếu không đúng hẹn thì H sẽ chuyển giao 06 mét đất thổ cư và 05 sào ruộng của H cho bà P1. Tuy nhiên khi đến hẹn không thấy H trả tiền nên bà P1 đã gửi đơn trình báo đến Cơ quan điều tra yêu cầu làm rõ, xử lý theo quy định của pháp luật.

4. Đối với hành vi chiếm đoạt tài sản của ông Nguyễn Thế V với số tiền 600.000.000 đồng:

Vào khoảng tháng 7/2021, Đoàn Thị Thúy H đến tiệm M1 do ông Nguyễn Thế V làm chủ tại địa chỉ B T, phường Đ, thị xã A để mua 01 xe máy SH150i (đã qua sử dụng) cho ông Nguyễn Gia P2, từ đó H quen biết ông V.

Đến tháng 01/2022, H sử dụng mạng xã hội Facebook tên tài khoản là "Đoàn H" nhắn tin với tài khoản Facebook "Vinh Văn Minh" của ông V để rủ ông V tham gia chân góp tiền với anh em đội Cảnh sát giao thông thị xã A để lấy lợi nhuận. Ban đầu, ông V tham gia 03 lần với số tiền lần lượt là 30.000.000 đồng, 50.000.000 đồng và 50.000.000 đồng thì đều được H trả lại tiền gốc và tiền lợi nhuận đầy đủ.

Đến tháng 03/2022, H bắt đầu đặt vấn đề vay mượn tiền ông V và hứa hẹn chia lợi nhuận từ việc đầu tư đáo hạn ngân hàng, vay cho Đội Cảnh sát giao thông Công an thị xã A và cho bà Ksor H4 Khắp mượn xử lý việc cá nhân. Vì tin là thật nên ông V đã nhiều lần đưa tiền mặt và chuyển tiền vào các tài khoản của H tổng số tiền 692.000.000 đồng, với khoản vay này H đã chuyển cho ông V số tiền lợi nhuận là 65.000.000 đồng.

Tuy nhiên sau đó H không trả tiền cho ông V, ông V nhiều lần đòi tiền thì ngày 16/5/2022, H viết giấy nợ nhưng không thực hiện mà tiếp đưa ra thông tin gian dối là tiền đầu tư cho bà Ksor H4 Khắp chạy chức và gửi hình tin nhắn của tài khoản có tên "Sếp Khắp" để củng cố niềm tin cho ông V để trì hoãn việc trả tiền.

Đến ngày 21/6/2022, trước sức ép của ông V thì H viết Giấy cam kết với nội dung H mượn ông V số tiền 998.000.000 đồng (bao gồm cả tiền lợi nhuận H hứa hẹn sẽ trả) hẹn đến ngày 27/6/2022 sẽ trả nhưng vẫn tiếp tục không trả tiền. Đến ngày 29/7/2022, H tiếp tục viết Giấy cam kết có nội dung hứa hẹn trả 2.350.000.000 đồng (bao gồm gốc là 600.000.000 đồng và còn lại là tiền lãi) vào ngày 10/8/2022.

Đến ngày 15/9/2022, do H không trả tiền nên ông V yêu cầu H trả lại số tiền gốc ban đầu là 600.000.000 đồng nên H viết Giấy vay tiền với nội dung: *"Vào ngày 06/5/2022, tôi có mượn của anh M tổng 600.000.000, hẹn đến 14/9/2022, tôi chưa thu xếp được để trả anh M. Tôi đã hẹn nhiều lần nhưng do trục trặc công việc, tôi đưa cho anh M..."* và đưa ông V giữ.

Đến ngày 27/12/2022, sau nhiều lần H hứa hẹn nhưng không trả tiền, ông V đến Cơ quan điều tra trình báo về việc bị H chiếm đoạt số tiền 600.000.000 đồng và yêu cầu xử lý theo quy định của pháp luật.

5. Đối với hành vi chiếm đoạt tài sản của vợ chồng ông Nguyễn Văn H2 với số tiền 431.400.000 đồng:

Vào khoảng tháng 10/2022, Đoàn Thị Thúy H thường đến quán trà sữa của vợ chồng ông Nguyễn Văn H2, bà Nguyễn Thị L1 nên H quen biết với vợ chồng ông H2, bà L1.

Đến ngày 20/01/2023, H đặt vấn đề vay tiền vợ chồng ông H2, bà L1 hứa hẹn sẽ trả lợi nhuận nên ông Hòa đồng ý cho H vay số tiền 50.000.000 đồng. Sau khi cho vay, ông H2 được H trả số tiền 14.400.000 đồng (800.000 đồng/ngày x18 ngày)

tiền lợi nhuận, còn tiền gốc H để lại, sau đó, H tiếp tục đặt vấn đề vay tiền ông H2 để làm ăn. Do tin tưởng H nên ông H2 đã huy động thêm tiền để "đầu tư các chân" do H đưa ra. Tính đến ngày 15/3/2023, vợ chồng ông H2, bà L1 đưa cho H tổng số tiền 431.400.000 đồng là số tiền của "04 chân" và số tiền H hứa hẹn trả lợi nhuận của "04 chân" là 21.000.000 đồng, H viết giấy với nội dung "*Tổng chủ nhật nhận của 04 người số tiền là 41,5+105,7+102,6+181,6+21 = 452,4"* rồi viết "Giấy hẹn" có nội dung *"Đoàn Thị Thúy H... viết giấy này để xác nhận ngày 19/3/2023 sẽ bàn giao số tiền gốc và lãi hoa hồng mà gia đình ông H2 đã đầu tư để làm ăn. Tổng tất cả là 452,4 triệu đồng..."* rồi sử dụng điện thoại chụp gửi cho ông H2. Sau khi viết "Giấy hẹn" ngày 15/3/2023, H vẫn chưa trả tiền nên H viết lại "Giấy hẹn tiền" đề ngày 04/4/2023 hẹn đến chiều ngày 10/4/2023 sẽ trả lại cả gốc và lãi, kèm theo thông tin "SĐT Sếp H5- 0904356628". Để tạo lòng tin, H còn nhờ bà H5 nhắn tin và gọi điện nói chuyện với ông H2, tự giới thiệu là sếp của H hứa hẹn giải ngân thì sẽ chuyển trả tiền cho ông H2 nhưng sau đó H tiếp tục đưa ra nhiều lý do khác nhau để khất hẹn mà không trả.

Ngày 30/10/2023, qua việc tham gia làm việc, xác minh những nội dung có liên quan vụ án, ông Nguyễn Văn H2 đã trích xuất giao nộp các tin nhắn và Giấy hẹn liên quan đề nghị làm rõ, xử lý theo quy định pháp luật và yêu cầu H phải trả lại số tiền 431.400.000 đồng tiền gốc đã chiếm đoạt.

6. Đối với hành vi chiếm đoạt tài sản của vợ chồng bà Mai Thị Vân A với số tiền 50.000.000 đồng:

Bà Mai Thị Vân A và Đoàn Thị Thúy H là bạn học với nhau từ nhỏ. Vào khoảng giữa tháng 3/2023, H lấy lý do đang kẹt tiền để đặt vấn đề vay tiền của bà Vân A hứa sẽ trả tiền lời nên ngày 20/3/2023, bà Vân A nói chồng là Hoàng Văn T2 chuyển vào tài khoản của Hằng số tiền 15.000.000 đồng. Sau đó, bà Vân A được H trả lại tiền lãi, còn tiền gốc thì H vay tiếp.

Đến giữa tháng 4/2023, H nói đang mua lô đất ở A với giá 820.000.000 đồng, H đưa ra lý do phải đặt cọc trước 40.000.000 đồng để mượn tiền của bà Vân A. Ngày 18/4/2023, tại quán C thị trấn P, bà Vân A đưa cho H 40.000.000 đồng tiền mặt. Lúc này, H lấy số tiền 15.000.000 đồng trong số tiền bà Vân A đưa để trả cho khoản vay ngày 20/3/2023 rồi đặt vấn đề vay lại số tiền 10.000.000 đồng, bà Vân A đồng ý. Lúc này, H viết vào "Giấy vay tiền" đề ngày 18/4/2023 đã đánh máy sẵn do H đưa tới và viết nội dung "Bên cho vay tiền (Bên A)" là vợ chồng bà Vân A, "Bên vay tiền (Bên B)" là Đoàn Thị Thúy H vay của bên A số tiền 50.000.000 đồng từ ngày 18/4/2023 đến ngày 18/8/2023 lãi suất tự thỏa thuận.

Đến ngày 19/4/2023, sau khi biết Đoàn Thị Thúy H bị Cơ quan CSĐT Công an tỉnh G bắt tạm giam về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản nên bà Vân A trình báo về việc bị H chiếm đoạt số tiền 50.000.000 đồng nêu trên.

*** Về dân sự:**

- Vợ chồng bà Mã Thị Thu N yêu cầu H trả số tiền 2.451.030.000đồng.
- Vợ chồng bà Phạm Thị Thùy D yêu cầu H trả số tiền 780.000.000đồng.
- Vợ chồng bà Nguyễn Thị Bích P1 yêu cầu H trả số tiền 2.570.000.000 đồng.
- Ông Nguyễn Thế V yêu cầu H trả số tiền 600.000.000 đồng.
- Vợ chồng ông Nguyễn Văn H2 yêu cầu trả số tiền 431.400.000 đồng.
- Vợ chồng bà Mai Thị Vân A yêu cầu trả số tiền 50.000.000 đồng.

Hiện bị cáo chưa bồi thường.

*** Vật chứng thu giữ:** 01 điện thoại di động hiệu Iphone 13 promax có số Imei 356796484499259.

Tại bản Cáo trạng số 18/CT-VKSGL-P1 ngày 12/01/2024, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai đã quyết định truy tố bị cáo Đoàn Thị Thúy H về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật hình sự.

2. Diễn biến tại phiên tòa:

***** Bị cáo Đoàn Thị Thúy H khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng; thấy bị truy tố, xét xử đúng tội. Lời nói sau cùng, bị cáo xin lỗi các bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét mức án phù hợp.

***** Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Đoàn Thị Thúy H phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản";

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt Đoàn Thị Thúy H từ 16 năm đến 17 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Đoàn Thị Thúy H trả số tiền đã chiếm đoạt của các bị hại gồm: Trả cho vợ chồng bà Mã Thị Thu N 2.451.030.000 đồng; trả cho vợ chồng bà Phạm Thị Thùy D 780.000.000 đồng; trả cho vợ chồng bà Nguyễn Thị Bích P1 2.570.000.000 đồng; trả cho ông Nguyễn Thế V 600.000.000 đồng; trả cho vợ chồng Nguyễn Văn H2 431.400.000 đồng; trả cho vợ chồng bà Mai Thị Vân A 50.000.000 đồng.

Về vật chứng: Đề nghị tịch thu sung ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Iphone 13 promax có số Imei 356796484499259.

Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

* Người bào chữa cho bị cáo trình bày: Nhất trí về tội danh và điều luật áp dụng đối với bị cáo như luận tội của Kiểm sát viên. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ của bị cáo để xử phạt bị cáo mức án thấp hơn đề nghị của Kiểm sát viên.

* Ý kiến các bị hại: Tại phiên tòa, các bị hại đều yêu cầu bị cáo hoàn trả số tiền mà bị cáo đã chiếm đoạt, không ai yêu cầu tính lãi; về hình phạt, không đồng

ý với đề nghị mức hình phạt của Kiểm sát viên, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên phạt mức án nghiêm khắc để giáo dục, răn đe đối với bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; mọi tài liệu, chứng cứ thu thập được trong hồ sơ vụ án đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội: Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Đoàn Thị Thúy H thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng, phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác thu thập được có tại hồ sơ vụ án, do đó có cơ sở xác định:

Bị cáo Đoàn Thị Thúy H là lao động tự do, không có nghề nghiệp ổn định, vì muốn có tiền để sử dụng cho mục đích cá nhân nên trong khoảng thời gian từ đầu năm 2021 đến giữa năm 2023, lợi dụng việc sống chung như vợ chồng với ông Nguyễn Gia P2 (sinh năm 1991, là cán bộ công an giao thông thị xã A) và các mối quan hệ xã hội, bị cáo đã chủ động tiếp cận, làm quen với bà Mã Thị Thu N, bà Phạm Thị Thùy D, bà Nguyễn Thị Bích P1, ông Nguyễn Thế V, ông Nguyễn Văn H2, bà Mai Thị Vân A, rồi đưa ra các thông tin gian dối như đầu tư tiền làm dịch vụ đáo hạn ngân hàng, đưa ra các gói đầu tư có lợi nhuận hoa hồng cao, đầu tư kinh doanh bất động sản, đưa tiền cho các cán bộ Công an đầu tư làm ăn bên ngoài, vay tiền cho đội cảnh sát giao thông Công an thị xã A, ... làm cho các bị hại tin tưởng giao tiền cho bị cáo. Sau khi nhận được tiền, bị cáo đã sử dụng một phần để tiêu xài, trả nợ, một phần để xoay vòng số tiền đã nhận từ các bị hại để trích hoa hồng, trả nợ đúng hạn,... để các bị hại tin tưởng là thật tiếp tục giao tiền cho bị cáo.

Bằng thủ đoạn trên bị cáo đã chiếm đoạt của 06 bị hại số tiền 6.882.430.000 đồng. Trong đó, chiếm đoạt của vợ chồng bà Mã Thị Thu N 2.451.030.000 đồng; vợ chồng bà Phạm Thị Thùy D 780.000.000 đồng; vợ chồng bà Nguyễn Thị Bích P1 2.570.000.000 đồng; ông Nguyễn Thế V 600.000.0000 đồng; vợ chồng ông Nguyễn Văn H2 431.400.000 đồng; vợ chồng bà Mai Thị Vân A 50.000.000 đồng.

Do đó, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai truy tố bị cáo Đoàn Thị Thúy H tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" với tình tiết định khung "Chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000 đồng trở lên" theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng tội.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng, xâm phạm tài sản của

các bị hại, gây mất trật tự trị an, gây dư luận xấu đến hoạt động bình thường của cơ quan, cá nhân do bị cáo lợi dụng để lừa dối các bị hại nhằm chiếm đoạt tài sản.

Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo thành khẩn khai báo hành vi phạm tội nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo nhiều lần thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của các bị hại, với thủ đoạn tinh vi như giới thiệu với các bị hại về mối quan hệ với các cá nhân, cơ quan, tổ chức, chụp hình ảnh nhiều tiền, hình ảnh các lần giao dịch số tiền lớn, khi bị hại tin tưởng giao tiền thì chuyển trả đúng hạn, trả hoa hồng, nhờ soạn tin nhắn rồi chuyển cho các bị hại xem nội dung thể hiện bị cáo có làm ăn, tiếp cận với người có chức vụ, quyền hạn, … để các bị hại tin tưởng tiếp tục giao tiền cho bị cáo chiếm đoạt. Do đó, Hội đồng xét xử thấy ngoài tình tiết tăng nặng "Phạm tội 02 lần trở lên" cần áp dụng tình tiết "Dùng thủ đoạn tinh vi để phạm tội" quy định tại các điểm g, m khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự, mới tương xứng với hành vi của bị cáo.

Xét bị cáo chiếm đoạt số tiền lớn, gây dư luận xấu trong quần chúng nhân dân, làm cho các bị hại căm phẫn, đề nghị xét xử mức án nghiêm khắc; bị cáo bị áp dụng 2 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và chưa bồi thường cho bị hại nào. Do đó, cần thiết xử phạt bị cáo mức án nghiêm khắc trong khung hình phạt, cao hơn đề nghị của Kiểm sát viên để giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

[4] Về trách nhiệm dân sự

Các bị hại yêu cầu bị cáo hoàn trả số tiền đã chiếm đoạt gồm: Vợ chồng bà Mã Thị Thu N 2.451.030.000 đồng; vợ chồng bà Phạm Thị Thùy D 780.000.000 đồng; vợ chồng bà Nguyễn Thị Bích P1 2.570.000.000 đồng; ông Nguyễn Thế V 600.000.000 đồng; vợ chồng ông Nguyễn Văn H2 431.400.000 đồng; vợ chồng bà Mai Thị Vân A 50.000.000 đồng. Xét yêu cầu của các bị hại là chính đáng, đúng quy định của pháp luật nên đều được chấp nhận.

[5] Về xử lý vật chứng:

01 điện thoại di động hiệu Iphone 13 promax có số Imei 356796484499259 thu của bị cáo Đoàn Thị Thúy H là phương tiện phạm tội nên tịch thu sung Ngân sách nhà nước.

[6] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Đối với các vấn đề khác:

** Đối với ông Nguyễn Gia P2, ông Hà Vĩnh Đ, ông Nguyễn Huy T3:* Sau khi xem xét ý kiến của các bị hại, bị cáo và diễn biến tại phiên toà, chưa có căn cứ để xác định ông Nguyễn Gia P2, ông Hà Vĩnh Đ và ông Nguyễn Huy T3 liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo. Tuy nhiên, tại hồ sơ vụ án thu thập được sao kê tài khoản ngân hàng, những người này thường xuyên chuyển tiền qua lại với bị cáo trong khoảng thời gian diễn ra hành vi chiếm đoạt của bị cáo đối với các bị hại,

trong đó, ông Hà Vĩnh Đ còn là người soạn tin nhắn giúp cho bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử kiến nghị cơ quan có thẩm quyền tiếp tục xem xét, nếu có căn cứ thì xử lý trong vụ án khác.

** Đối với người tên "H5" sử dụng số điện thoại 0905356628:* "H5" là người Hằng nhờ nói chuyện với bị hại H2 để khất nợ, Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh nhân thân, lai lịch nhưng hiện tại không xác định được người tên "Hà" này đang ở đâu. Tại phiên toà cũng chưa có căn cứ xác định người này đồng phạm với bị cáo. Tuy nhiên, có việc người này giúp cho bị cáo nhắn tin, gọi điện cho bị hại nên Hội đồng xét xử kiến nghị cơ quan có thẩm quyền tiếp tục xem xét, nếu có căn cứ thì xử lý trong vụ án khác.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Đoàn Thị Thúy H phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, m khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Đoàn Thị Thúy H **18** (mười tám) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 19/4/2023.

2. Về trách nhiệm dân sự

Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự, Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự: Buộc bị cáo Đoàn Thị Thúy H phải trả cho:

- Ông Trần Thái H1 và bà Mã Thị Thu N 2.451.030.000 đồng (Hai tỷ bốn trăm năm mươi mốt triệu không trăm ba mươi nghìn đồng).
- Ông Nguyễn Trọng T1 và bà Phạm Thị Thùy D 780.000.000 đồng (Bảy trăm tám mươi triệu đồng).
- Ông Dương Đức D1 và bà Nguyễn Thị Bích P1 2.570.000.000 đồng (Hai tỷ năm trăm bảy mươi triệu đồng).
- Ông Nguyễn Thế V 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng).
- Ông Nguyễn Văn H2 và bà Nguyễn Thị L1 431.400.000 đồng (Bốn trăm ba mươi mốt triệu bốn trăm nghìn đồng).
- Ông Hoàng Văn T2 và Mai Thị Vân A 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án theo Điều 357 Bộ luật dân sự 2015 quy định về trách nhiệm chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền.

3. Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu sung Ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Iphone 13 promax có số Imei 356796484499259.

(*Vật chứng nêu trên có đặc điểm, tình trạng theo Biên bản giao nhận vật chứng số 55/2024, ngày 16/01/2024 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra công an tỉnh G và Cục thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai).*

4. Về án phí: Căn cứ các Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Đoàn Thị Thúy H phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 114.882.430 đồng (Một trăm mười bốn triệu tám trăm tám mươi hai nghìn bốn trăm ba mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm. Người nêu trên vắng mặt có quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được hoặc ngày bản án được niêm yết.

6. Về thi hành án dân sự:

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ Công an tỉnh;
- Sở Tư pháp.
- Cơ quan CSĐT- CA tỉnh Gia Lai;
- Cục THADS tỉnh Gia Lai
- Bị cáo; Bị hại; Người có QLNVLQ;
- Người bào chữa;
- Trại tạm giam CA tỉnh Gia Lai;
- Cục THADS tỉnh Gia Lai;
- Lưu HS, THS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Kim Hồng